

Số: 184/2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 258/2024/NĐ-CP về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (cũ) ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ) ban hành Quy định phân cấp, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

Tudd_VP4_30.QĐ.QPPL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước

1. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và khu công nghệ cao quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trong phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết là cấp xã) quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn quản lý (trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này) và các trường hợp khác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đối với công viên, mặt nước nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, giao Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có phần diện tích công trình, dự án lớn nhất thực hiện quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã còn lại phối hợp.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

1. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và khu công nghệ cao thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đối với cây xanh sử dụng công cộng thuộc phạm vi được giao quản lý tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đối với cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn thuộc phạm vi được giao quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công viên, cây xanh trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Bộ Xây dựng về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục cây xanh sử dụng công cộng địa phương (theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP) và ban hành Danh mục cây xanh cần bảo tồn trên địa bàn (theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP).

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành công viên và Quy trình quản lý, duy trì cây xanh sử dụng công cộng.

đ) Hướng dẫn lập, quản lý chi phí dịch vụ về quản lý công viên, cây xanh.

e) Làm đầu mối triển khai việc xây dựng, cập nhật và tổng hợp cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP và các hướng dẫn, quy định khác có liên quan; báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, phát triển công viên, cây xanh, mặt nước theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, phê duyệt đề án khai thác và phương án xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

a) Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã công bố danh mục các dự án đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước kêu gọi hỗ trợ của tổ chức, cá nhân.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất có mặt nước và nước mặt trong đô thị và khu dân cư nông thôn.

b) Kiểm tra, hướng dẫn chế độ quản lý, bảo vệ cây xanh thuộc danh mục loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm; kiểm dịch thực vật đối với cây xanh nhập khẩu.

c) Hướng dẫn việc sử dụng và khai thác mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, đa dạng sinh học.

d) Tổ chức theo dõi, đánh giá tác động của các dự án đầu tư phát triển công viên, cây xanh đối với việc hấp thụ lượng các-bon phát thải.

đ) Tổ chức đánh giá lượng tín chỉ các-bon thu được từ công viên, cây xanh trên địa bàn.

e) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc rà soát, đề xuất Danh mục cây xanh cần bảo tồn.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và khu công nghệ cao

a) Thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc thẩm quyền được phân cấp tại Điều 4 Quy định này.

b) Tổ chức quản lý và phát triển quỹ đất cây xanh sử dụng công cộng trong phạm vi được giao quản lý; phát triển, bảo tồn, cải tạo mặt nước theo quy hoạch.

c) Thực hiện việc tiếp nhận hỗ trợ của tổ chức, cá nhân vào đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước.

d) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn được giao quản lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 43 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) theo định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm; lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

đ) Kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trong phạm vi được giao quản lý theo quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức phổ biến, cập nhật về việc trồng, phát triển, bảo vệ cây xanh, mặt nước và pháp luật liên quan đến công viên, cây xanh, mặt nước vào chương trình giảng dạy, hoạt động giáo dục, phù hợp với từng ngành học, cấp học.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn quản lý.

2. Thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc thẩm quyền được phân cấp tại Điều 4 Quy định này.

3. Tổ chức quản lý và phát triển quỹ đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn; phát triển, bảo tồn, cải tạo mặt nước theo quy hoạch; tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác đất cây xanh sử dụng công cộng đã được Nhà nước thu hồi để làm vườn ươm hoặc công trình công cộng có tính chất tạm thời trong trường hợp chưa thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Thực hiện việc tiếp nhận hỗ trợ của tổ chức, cá nhân vào đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước.

5. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn được giao quản lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 43 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP; báo cáo Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm để theo dõi, tổng hợp; lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức rà soát, giao quản lý, phê duyệt đề án khai thác và phương án xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước theo quy định.

8. Kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./.